

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04 -05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tech - Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyển giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hoan	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hoan	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng ban
Ông Vũ Ngọc Ánh	Thành viên
Bà Triệu Thị Mùi	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 04 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 04 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2017

Số: 1695/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/04/2017

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tech - Vina**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tech - Vina được lập ngày 04 tháng 05 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 04 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 04 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017, dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017 do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017 bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tech - Vina tại ngày 30 tháng 04 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 04 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2013-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 04 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/04/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.618.089.608	44.650.338.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	687.582.243	2.718.637.101
111	1. Tiền		687.582.243	2.718.637.101
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.424.313.697	11.019.227.945
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.848.953.801	5.435.026.046
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.574.526.583	5.536.368.586
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	833.313	47.833.313
140	IV. Hàng tồn kho	7	37.763.506.820	30.388.506.968
141	1. Hàng tồn kho		37.763.506.820	30.388.506.968
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		742.686.848	523.966.804
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	28.484.280	7.742.500
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		711.938.922	514.224.304
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	2.263.646	2.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.556.265.110	31.185.463.485
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	7.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	7.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		17.547.717.709	17.910.233.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.547.717.709	17.910.233.971
222	- Nguyên giá		22.844.621.180	22.508.257.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.296.903.471)	(4.598.023.573)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.008.547.401	6.275.229.514
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.008.547.401	6.275.229.514
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		75.174.354.718	75.835.802.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 04 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/04/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.236.264.595	12.044.633.452
310	I. Nợ ngắn hạn		9.030.464.595	11.710.533.452
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	1.636.905.390	1.206.432.391
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	244.280.594	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	500.687.533	451.728.343
314	4. Phải trả người lao động		-	63.112.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	140.479.466
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	148.395.071	2.086.610.571
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	6.053.828.506	7.625.988.668
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		446.367.501	136.181.186
330	II. Nợ dài hạn		205.800.000	334.100.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	205.800.000	334.100.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		65.938.090.123	63.791.168.851
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	65.938.090.123	63.791.168.851
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		55.000.000.000	55.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		446.367.502	136.181.186
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.491.722.621	8.654.987.665
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		8.034.615.034	2.451.261.354
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		2.457.107.587	6.203.726.311
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		75.174.354.718	75.835.802.303

Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
4 tháng đầu năm 2017


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	4 tháng đầu năm	4 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	13.513.414.358	12.183.997.880
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.513.414.358	12.183.997.880
11	4. Giá vốn hàng bán	18	10.235.958.901	9.702.523.297
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.277.455.457	2.481.474.583
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	616.803	767.660
22	7. Chi phí tài chính	20	234.678.594	171.171.755
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		234.678.594	171.171.755
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	552.262.110	534.218.305
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.491.131.556	1.776.852.183
31	11. Thu nhập khác	22	74.525.421	-
32	12. Chi phí khác	23	1.823.508	-
40	13. Lợi nhuận khác		72.701.913	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.563.833.469	1.776.852.183
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	106.725.882	117.691.539
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.457.107.587</u>	<u>1.659.160.644</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	447	302


Trần Thị Hoài
Người lậpTrần Thị Hoài
Kế toán trưởngHoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ4 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	4 tháng đầu năm	4 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.563.833.469	1.776.852.183
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		698.879.898	676.648.054
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(616.803)	(767.660)
06	- Chi phí lãi vay		234.678.594	171.171.755
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.496.775.158	2.623.904.332
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.396.935.984	4.599.741.817
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.374.999.852)	(4.495.303.700)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.435.821.376)	(1.862.033.821)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		245.940.333	43.970.669
14	- Tiền lãi vay đã trả		(280.158.060)	(171.171.755)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43.520.050)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.152.137	739.107.542
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(336.363.636)	(797.345.595)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		616.803	767.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(335.746.833)	(796.577.935)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.739.978.500	4.320.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.440.438.662)	(3.229.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.700.460.162)	1.091.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.031.054.858)	1.033.529.607
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.718.637.101	3.921.261.216
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	687.582.243	4.954.790.823

Trần Thị Hoài
Người lậpTrần Thị Hoài
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*4 tháng đầu năm 2017***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyên giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 04 năm 2017 là 55.000.000.000 đồng; trong đó 5.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất tinh dầu quế, sản xuất củi mùn của từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế và kinh doanh các mặt hàng liên quan đến tinh dầu, cà phê thóc, than đốt, gang tay phủ nhựa, màng xốp...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh nhà máy Tinh dầu Công ty cổ phần
Tech - Vina (*)

Địa chỉ

Huyện Bảo Thắng,
tỉnh Lào Cai

Hoạt động kinh doanh chính

Chiết xuất tinh dầu quế, sản xuất
củi mùn của

(*) Theo đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017, Công ty đã chuyển địa chỉ trụ sở chính tại Hà Nội lên địa chỉ tại tỉnh Lào Cai, đồng thời sát nhập hoạt động của chi nhánh nhà máy tại Lào Cai vào trụ sở chính.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của chi nhánh hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/04/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	620.858.087	647.209.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.724.156	2.071.427.919
	687.582.243	2.718.637.101

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/04/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	4.939.812.000	-
- Công ty TNHH TD Việt Nam	3.004.770.453	3.990.099.748
- Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	-	584.815.170
- Công ty BERJE INC	-	554.189.628
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.904.371.348	305.921.500
	9.848.953.801	5.435.026.046

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/04/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH sản xuất và xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	181.200.000	-	400.000.000	-
Công ty TNHH TD Việt Nam	495.039.680	-	-	-
Công ty TNHH Tràm Dược	348.010.000	-	-	-
Công ty TNHH Xốp cách nhiệt Phương Nam	208.167.250	-	234.127.250	-
D OEHLMANN AND ASSOCIATES	198.136.950	-	198.136.950	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu cho nông dân	805.935.050	-	4.162.265.578	-
Trả trước cho người bán khác	338.037.653	-	541.838.808	-
	2.574.526.583	-	5.536.368.586	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/04/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	-	-	30.000.000	-
Phải thu khác	833.313	-	17.833.313	-
	833.313	-	47.833.313	-
b) Dài hạn				
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	7.000.000.000	-
	-	-	7.000.000.000	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/04/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.446.965.297	-	4.820.853.167	-
Công cụ, dụng cụ	26.800.000	-	-	-
Thành phẩm	6.977.223.815	-	2.839.660.071	-
Hàng hoá	27.312.517.708	-	22.727.993.730	-
	37.763.506.820	-	30.388.506.968	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	12.687.277.403	7.796.393.777	1.879.586.364	145.000.000	22.508.257.544
- Mua trong kỳ	-	336.363.636	-	-	336.363.636
Số dư cuối kỳ	12.687.277.403	8.132.757.413	1.879.586.364	145.000.000	22.844.621.180
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	719.262.696	2.530.374.907	1.319.385.966	29.000.004	4.598.023.573
- Khấu hao trong kỳ	216.951.624	421.907.477	50.354.129	9.666.668	698.879.898
Số dư cuối kỳ	936.214.320	2.952.282.384	1.369.740.095	38.666.672	5.296.903.471
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	11.968.014.707	5.266.018.870	560.200.398	115.999.996	17.910.233.971
Tại ngày cuối kỳ	11.751.063.083	5.180.475.029	509.846.269	106.333.328	17.547.717.709

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.320.180.705 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 721.087.273 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINAThôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng,
Tỉnh Lào Cai**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến
ngày 30/04/2017**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/04/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	7.742.500
Công cụ dụng cụ xuất dùng	28.484.280	-
	28.484.280	7.742.500
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy sản xuất tinh dầu quế	4.590.357.328	4.672.327.996
Công cụ dụng cụ xuất dùng	648.761.197	778.513.437
Chi phí sửa chữa cải tạo tại nhà máy sản xuất tinh dầu quế	769.428.876	824.388.081
	6.008.547.401	6.275.229.514

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/04/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Vũ Tuấn Trung	471.017.400	471.017.400	329.670.000	329.670.000
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu của nông dân	699.527.422	699.527.422	-	-
Công ty TNHH TD Việt Nam	-	-	641.492.219	641.492.219
Phải trả các đối tượng khác	466.360.568	466.360.568	235.270.172	235.270.172
	1.636.905.390	1.636.905.390	1.206.432.391	1.206.432.391

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/04/2017	01/01/2017
	VND	VND
Shuang ying trading & service woods group co.,ltd	240.264.594	-
Người mua trả tiền trước khác	4.016.000	-
	244.280.594	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		46.865.806		51.000.000		46.353.544		-		51.512.262	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		33.678.702		15.168.600		-		18.510.102	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		363.870.839		106.725.882		43.520.050		-		427.076.671	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		3.588.498		-		-		-		3.588.498	
Các loại thuế khác	2.000.000		-		4.000.000		2.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		37.403.200		1.823.508		41.490.354		-		2.263.646	
	2.000.000		451.728.343		197.228.092		148.532.548		2.263.646		500.687.533	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/04/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
- Kinh phí công đoàn	2.407.000		-	
- Bảo hiểm xã hội	34.670.855		8.813.855	
- Bảo hiểm y tế	5.472.000		-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.256.500		-	
- Văn phòng đại diện Netherlands Development Org tại Việt Nam	98.248.556		98.248.556	
- Phải trả Công ty Gremerit Holdings Limited	5.340.160		1.979.548.160	
	148.395.071		2.086.610.571	

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)						
Vay ngắn hạn	7.140.388.668	7.140.388.668	1.739.978.500	3.312.138.662	5.568.228.506	5.568.228.506
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng (1)	5.155.972.000	5.155.972.000	-	2.265.972.000	2.890.000.000	2.890.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (2)	1.984.416.668	1.984.416.668	1.060.000.000	1.046.166.662	1.998.250.006	1.998.250.006
- Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch (3)	-	-	679.978.500	-	679.978.500	679.978.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	485.600.000	485.600.000	128.300.000	128.300.000	485.600.000	485.600.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Ba Đình	82.800.000	82.800.000	27.600.000	27.600.000	82.800.000	82.800.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng	402.800.000	402.800.000	100.700.000	100.700.000	402.800.000	402.800.000
	7.625.988.668	7.625.988.668	1.868.278.500	3.440.438.662	6.053.828.506	6.053.828.506

	01/01/2017		Trong kỳ		30/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH						
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Ba Đình (1)	206.000.000	206.000.000	-	27.600.000	178.400.000	178.400.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng (2)	613.700.000	613.700.000	-	100.700.000	513.000.000	513.000.000
	819.700.000	819.700.000	-	128.300.000	691.400.000	691.400.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(485.600.000)	(485.600.000)	(128.300.000)	(128.300.000)	(485.600.000)	(485.600.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	334.100.000	334.100.000			205.800.000	205.800.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201501615 ngày 14/04/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 12 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tinh dầu quế và tinh dầu húng quế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.890.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản và một phần không có bảo đảm.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 140716-408823-01-SME ngày 19/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại tinh dầu quế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 19/07/2016;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng thời điểm vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.998.250.006 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17.HM.01.096023/HDTD-SGD ngày 24/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại tinh dầu quế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng thời điểm vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 679.978.500 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 035CN040/HDTD-VIB/2014 ngày 03/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 413.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Ford Ranger XLS màu ghi vàng;
 - + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger XLS màu ghi vàng biển kiểm soát 29C - 365.26 đứng tên Công ty Cổ phần Tech - Vina.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 178.400.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tiếp theo là 82.800.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201400946 ngày 29/04/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 1.520.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: mua hệ thống máy ép củi mùn theo tiêu chuẩn kỹ thuật, công suất 2 tấn/giờ để thực hiện Phương án kinh doanh củi mùn cửa từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 13%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 513.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tiếp theo là 402.800.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/04/2017

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước (01/01/2016)	55.000.000.000	-	2.723.623.726	57.723.623.726
Lãi trong kỳ	-	-	1.659.160.644	1.659.160.644
Phân phối lợi nhuận	-	136.181.186	(272.362.372)	(136.181.186)
Số dư cuối kỳ trước (30/04/2016)	55.000.000.000	136.181.186	4.110.421.998	59.246.603.184
Số dư đầu kỳ này (01/01/2017)	55.000.000.000	136.181.186	8.654.987.665	63.791.168.851
Lãi trong kỳ	-	-	2.457.107.587	2.457.107.587
Phân phối lợi nhuận	-	310.186.316	(620.372.631)	(310.186.315)
Số dư cuối kỳ này (30/04/2017)	55.000.000.000	446.367.502	10.491.722.621	65.938.090.123

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/02/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.654.987.665
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,58%	310.186.316
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,58%	310.186.315
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ) (*)	63,55%	5.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	29,29%	2.534.615.034

(*) Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/02/2017, đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 550.000 cổ phần;

- Hình thức phát hành: trả cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phần

- Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phần lẻ phát sinh sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) từ 0,5 đến dưới 1 cổ phần sẽ được làm tròn là 01 cổ phần, số cổ phần lẻ dưới 0,5 cổ phần được làm tròn xuống 0 cổ phần.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Ông Hoàng Văn Hải	5.500.000.000	10,00%	5.500.000.000	10,00%
Ông Nguyễn Công Hoan	5.350.000.000	9,73%	5.350.000.000	9,73%
Bà Nguyễn Thị Thơm	4.000.000.000	7,27%	4.000.000.000	7,27%
Ông Bùi Trọng Nghĩa	100.000.000	0,18%	100.000.000	0,18%
Các cổ đông khác	40.050.000.000	72,82%	40.050.000.000	72,82%
	55.000.000.000	100%	55.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng,
Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến
ngày 30/04/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	55.000.000.000	55.000.000.000
d) Cổ phiếu	30/04/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/04/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	136.181.186
	446.367.502	136.181.186
16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại	30/04/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	338,90	88.892,76
17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	9.634.646.298	9.740.114.750
Doanh thu bán hàng hóa	3.878.768.060	2.443.883.130
	13.513.414.358	12.183.997.880
18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.985.135.159	8.026.801.142
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.250.823.742	1.675.722.155
	10.235.958.901	9.702.523.297

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINAThôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng,
Tỉnh Lào Cai**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến
ngày 30/04/2017**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	616.803	767.660
	616.803	767.660

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	234.678.594	171.171.755
	234.678.594	171.171.755

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	193.481.634	70.684.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.354.129	96.803.917
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	3.051.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.575.947	74.599.682
Chi phí khác bằng tiền	271.850.400	289.079.505
	552.262.110	534.218.305

22 . THU NHẬP KHÁC

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thuế được khấu trừ theo đối chiếu của cơ quan thuế	74.525.421	-
	74.525.421	-

23 . CHI PHÍ KHÁC

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí khác	1.823.508	-
	1.823.508	-

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	4 tháng đầu năm 2017 VND	4 tháng đầu năm 2016 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh không được hưởng ưu đãi thuế</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	533.629.412	588.457.697
Thu nhập chịu thuế TNDN	533.629.412	588.457.697
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	106.725.882	117.691.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	363.870.839	187.550.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(43.520.050)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính	427.076.671	305.242.043
<i>Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn đặc biệt khó khăn</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ địa bàn đặc biệt khó khăn	2.030.204.057	1.188.394.486
Thu nhập tính thuế TNDN	2.030.204.057	1.188.394.486
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	203.020.406	118.839.449
Thuế TNDN được miễn giảm do ưu đãi đối với địa bàn đặc biệt khó khăn	(203.020.406)	(118.839.449)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	106.725.882	117.691.539
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	427.076.671	305.242.043

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	4 tháng đầu năm 2017 VND	4 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	2.457.107.587	1.659.160.644
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.457.107.587	1.659.160.644
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	447	302

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/04/2017.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	4 tháng đầu năm 2017 VND	4 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.812.213.420	6.678.195.893
Chi phí nhân công	334.532.930	169.839.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	698.879.898	676.648.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.777.957	469.115.684
Chi phí khác bằng tiền	483.556.808	371.050.173
	11.674.961.013	8.364.848.806

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/04/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	687.582.243	-	2.718.637.101	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.849.787.114	-	12.482.859.359	-
	10.537.369.357	-	15.201.496.460	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/04/2017 VND	01/01/2017 VND
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	6.259.628.506	7.960.088.668
Phải trả người bán, phải trả khác	1.785.300.461	3.293.042.962
Chi phí phải trả	-	140.479.466
	8.044.928.967	11.393.611.096

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/04/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	687.582.243	-	-	687.582.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.849.787.114	-	-	9.849.787.114
	<u>10.537.369.357</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.537.369.357</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.718.637.101	-	-	2.718.637.101
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.482.859.359	-	7.000.000.000	12.482.859.359
	<u>8.201.496.460</u>	<u>-</u>	<u>7.000.000.000</u>	<u>15.201.496.460</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/04/2017				
Vay và nợ	6.053.828.506	205.800.000	-	6.259.628.506
Phải trả người bán, phải trả khác	1.785.300.461	-	-	1.785.300.461
	<u>7.839.128.967</u>	<u>205.800.000</u>	<u>-</u>	<u>8.044.928.967</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	7.625.988.668	334.100.000	-	7.960.088.668
Phải trả người bán, phải trả khác	3.293.042.962	-	-	3.293.042.962
Chi phí phải trả	140.479.466	-	-	140.479.466
	<u>11.059.511.096</u>	<u>334.100.000</u>	<u>-</u>	<u>11.393.611.096</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.634.646.298	3.878.768.060	13.513.414.358
Chi phí trực tiếp	6.985.135.159	3.250.823.742	10.235.958.901
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>2.649.511.139</u>	<u>627.944.318</u>	<u>3.277.455.457</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	336.363.636	-	336.363.636
Tài sản bộ phận trực tiếp	36.670.605.829	38.503.748.889	75.174.354.718
Tổng tài sản	<u>36.670.605.829</u>	<u>38.503.748.889</u>	<u>75.174.354.718</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.462.361.476	4.773.903.119	9.236.264.595
Tổng nợ phải trả	<u>4.462.361.476</u>	<u>4.773.903.119</u>	<u>9.236.264.595</u>

Theo khu vực địa lý

	Bán hàng trong nước	Xuất khẩu ra nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.919.734.798	2.593.679.560	13.513.414.358
Tài sản bộ phận	-	-	75.174.354.718
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	336.363.636

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	4 tháng đầu năm 2017	4 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	40.085.000	38.896.923

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016 chưa được soát xét.

Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2017